

Pétrus Ký

1837-1898

Cụ Jean Baptiste Petrus Trương Vĩnh Ký sanh ngày *6 tháng 12 năm 1837* tại làng Vĩnh Thành, tỉnh Vĩnh Long, tên thật là Trương Sĩ Tải, con quan Lãnh binh Trương Vĩnh Trị thời Minh Mạng (1820-1840) và Thiệu Trị Triều Nguyễn.

Năm Cụ lên 2 , ông thân sinh Cụ, quan Lãnh binh, sang công cán bên Cao Miên, rồi mất tại đấy. Cụ có người Chị cả cũng mất sớm. Gặp lúc Pháp-Nam bắt thân thiện, Đức Minh Mạng diệt tín đồ đạo Thiên Chúa, Cụ chẳng vì lẽ con quan mà lọt khỏi vòng cơ hàn cực khổ. Cụ sống lây lất với người anh và một mẹ già .

Năm lên năm Cụ theo anh đi học chữ Hán ở nhà một Thầy Đồ trong làng (vì vậy sau này tuy thông hiểu Pháp Văn và nhiều thứ tiếng và chữ Châu Âu, Cụ vẫn không bỏ cốt cách con nhà nho gia, xuất thân ở sân Trình cửa Khổng). Năm lên chín Cụ được một vị Linh mục tục kêu là Cụ Tám, trước kia có nhờ ơn Ông thân sinh Cụ cứu thoát chết, xin bà mẹ đem về nuôi, dạy cho chữ quốc ngữ và bắt học các Thánh Kinh đạo Gia Tô. Hai năm sau Cụ được vào học trường thầy giòng bên cao Mên. Nhân dịp này Cụ được tiếp xúc với người Mên, người Lèo và học tiếng nước họ. Cụ lại được cụ Tám gọi theo Cổ Long Gaspard học tập chữ La Mã. Thời kỳ theo Cổ Long Gaspard là thời kỳ gian truân nhất : Vua Minh Mạng muốn diệt đạo Gia Tô sai tìm bắt các giáo sĩ và các tín đồ đạo Gia Tô. Hơn bốn năm trời Cụ theo Cổ Long Gaspard trốn tránh rất khổ sở.

Năm mười bốn tuổi Cụ được cử qua cù lao Poulo Penang học thêm tiếng La Mã và chuyên học tiếng Hy Lạp tại trường Delalma, một trường lớn ở Cơ đốc giáo có đủ học sinh Âu Á. Ở trường này Cụ đã tỏ ra là một sinh viên xuất sắc, có thiên khiếu về ngôn ngữ và được giải thưởng nhờ một bài luận văn Latin. Vốn người thông minh và hiếu học lại được tiếp xúc với người nhiều nước Cụ nhân đây học thêm nhiều thứ tiếng khác. Khi hết học ở cù lao Penang về, tính ra Cụ thông được bảy thứ tiếng , mà thạo nhất là các thứ tiếng Pháp, Anh, La Mã, Tây Ban Nha, Nhật và chữ Hán.

Năm về nước Cụ được hai mươi mốt tuổi và phải chịu tang mẹ. Sau việc làm chay cho mẹ được ít lâu, Cụ lấy vợ người tỉnh Gia Định và lo viết sách soạn văn giúp ích đồng bào. Cụ cho in về Vương quốc Khmer (1863), Chuyện Đời Xưa (1666).

Cụ tưởng như vậy kéo dài cái đời an nhàn được, nào dè Vua Tự Đức lại nổi chí

cha diệt đạo nên xảy ra việc Phó thủy sư Rigault de Genouilly đánh phá cửa Hàn (1/9/1858) và Hạ Thành Sai Gòn (18/2/1859). Trong nước lúc ấy loạn lạc, mùa màng thất bát, nhân dân khổ cực, nên nhà vua mới cầu hòa với nước Pháp. Cụ Petrus Ký vì vậy bị lôi ra khỏi nhà giảng, làm thông ngôn cho hai nước Pháp-Nam điều đình Hòa Ước 5/6/1862. Khi hòa ước ký xong Cụ xin về quê, nhưng Cụ bị giữ lại làm thông ngôn tòa án và đốc học trường thông ngôn Sài Gòn.

Năm 1864, vua Tự Đức muốn chuộc lại ba tỉnh Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường), Cụ phải sang Pháp với Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản làm thông ngôn cho nước Nam điều đình chuộc lại ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ. Tại Paris, Cụ có giao du với các văn gia và khóa học gia địa phương như E. Renan, Paul Bert Do đó, sau này Cụ có chân trong các hội của Pháp như: Hội Nhân chủng học và Khoa học miền Tây, Hội Ngôn ngữ học, Hội Địa dư Paris Giới học thuật đương thời xếp Cụ vào hàng thứ mười bảy trong các nhà thông thái toàn cầu. Cụ có sang yết kiến Đức Giáo Hoàng tại Rome.

Về nước Cụ được bổ làm giáo viên Đông phương ngữ rồi đốc học của trường Thông Ngôn và Hậu Bỏ ở Sài Gòn. Năm 1868, Cụ xin từ chức tại các trường này. Kể từ tháng 8/1869 Cụ làm chủ bút tại tờ Gia Định báo, là tờ báo Việt Ngữ đầu tiên với sự cộng tác của Huỳnh Tịnh Của, Tôn Thọ Tường, Trương Minh Ký. Cụ cũng trông coi luôn tờ An Nam Chính Trị và Xã hội. Năm 1874, Cụ cộng sự với đại sứ Tây Ban Nha tại Trung Hoa và được nhận là hội viên Á Châu hội. Năm 1874, đi công tác ở ngoài Bắc về, Cụ có viết cuốn *Voyage au Tonkin en 1876*, *Cụ được cử vào Hội Đồng Thành Phố Sài Gòn. Từ 1877- 1885, cụ trước tác, phiên âm và phiên dịch một số lượng sách vở và bài vở to tác như: Chuyện Khôi Hài (1882), Grammaire De La Langue Annamite (1883), Petit Dictionnaire Francais Annamite (1884), Cours D'histoire Annamite 2 vol (1875-1877), Histoire de la Chine, Poemce Kim Vân Kiều truyện transcrit pour la première fois en Quốc ngữ avec notes explicatives (1875), Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca (1875), Hịch Quảng Định (1882), Bất Cương Nhớ Cương Lâm Chi (1882), Hịch Con Quay (1883), Phép Lịch Sự Annam, Sách Dạy Chữ Nho, Sách Dạy Chữ Quốc Ngữ, Kiếp Phong Trần (1885).*

Ngày 2/4/1886, thống đốc Bắc Kỳ Paul Bert vừa sang nhậm chức ở Hà Nội bốn ngày trước đề cử Cụ ra Huế giúp vua Đồng Khánh với chức giám quan trong cơ mật viện. Cuối năm ấy Cụ trở về nhà ở Chợ Quán Sài Gòn. Năm sau Cụ làm giáo sư thổ ngữ Đông Phương tại các trường Hậu Bỏ và Thông Ngôn. Cũng trong năm 1886 này Cụ rút ra

khỏi hoàn trường ở tuổi 50, để trong hơn 10 năm cuối đời tập trung toàn lực vào công việc trước tác; sống một cuộc sống thanh bạch, thiếu thốn, và trước khi qua đời để lại bài thơ tuyệt mệnh :

Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quai

Xô đẩy người vô giữa cuộc đời

Học thức gọi tên con mọt sách

Công danh rút cuộc cái quan tài

Dạo hồn lũ kiến men chun bước

Bò sói côn trùng chắt lưỡi hoài

Cuốn sổ bình sanh công với tội

Tìm nơi thắm phán để thừa khai.

Cụ bệnh mất tại tư thất ngày 1/9/1898 tức ngày 16/7 năm Mậu Tuất hưởng thọ 61 tuổi. Cụ để lại 118 tác phẩm về ngôn ngữ và gần hai mươi cuốn sách đang soạn còn dang dở. Về mặt văn học khoa học cũng như khảo cứu, Cụ là một học giả cự phách của nước Nam ta hồi hậu bán thế kỷ 19. Cụ là một văn hào đầu tiên đề xướng việc dùng chữ quốc ngữ viết văn, ghi công đầu trong việc xây dựng văn xuôi quốc ngữ ở thời kỳ phôi thai.

Trích “Trương Vĩnh Ký Con Người Và Sự Nghiệp”.
Lê Văn Đăng, trong Nhóm VĂN HỌC CHỮ NÔM
ghi và đọc lại ngày 26-11-2012

